

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 10/2018/KDTM-ST
Ngày 19.11.2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cương
Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tráng - Kiểm sát viên.

Ngày 19.11.2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2018/TLST - KDTM ngày 21.8.2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST - KDTM ngày 15.10.2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2018/QĐXXST - KDTM ngày 05.11.2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần R, sinh năm: 1994, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; địa chỉ: Số 112 đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

(Theo Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02.3.2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V và Văn bản ủy quyền số 1057/2018/UQ-VPB ngày 24.5.2018 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, V Bank Hội sở)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH X. Địa chỉ: Tổ 86 (cũ), 44 (mới) phường K, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Thanh X, sinh năm: 1987, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Thanh V, sinh năm: 1992; Vắng mặt

- Bà Lê Thị Thanh X, sinh năm: 1987; Có mặt
Cùng địa chỉ: Tổ 86 (cũ), 44 (mới) phường K, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14.6.2018 và tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Trần R bày:* Ngày 23.9.2016, Ngân hàng TMCP V - chi nhánh Đà Nẵng và Công ty TNHH X có ký kết hợp đồng tín dụng số 190916-3060791-01-SME với số tiền vay: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh: buôn bán thực phẩm, bán buôn đồ uống, bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh, theo bảng kê khai mục đích sử dụng vốn ngày 15.9.2016; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,8%/năm, lãi suất điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm.

Công ty TNHH X đã nhận nợ tổng số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo các khế ước nhận nợ số 101016-3060791-01-SME ngày 10.10.2016, khế ước nhận nợ số 021116-3060791-01-SME ngày 02.11.2016, khế ước nhận nợ số 230916-3060791-01-SME ngày 23.9.2016, khế ước nhận nợ số 260916-3060791-01-SME ngày 26.9.2016.

Để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên, bên bảo lãnh - bà Lê Thị Thanh X và ông Lê Thanh V cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH X và ủy quyền cho ngân hàng được tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bà Lê Thị Thanh X và ông Lê Thanh V và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ, theo hợp đồng bảo lãnh số 190916-3060791-02-SME/HĐBL ngày 23.9.2016 và hợp đồng bảo lãnh số 190916-3060791-01-SME/HĐBL ngày 23.9.2016.

Công ty TNHH X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng nên toàn bộ khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản nhắc nợ và làm việc để tạo điều kiện cho Công ty TNHH X trả nợ nhưng công ty vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng chúng tôi khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là: 260.741.849 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 195.880.000đ; nợ lãi: 64.861.849 đồng (lãi tính đến ngày 19.11.2018). Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến

ngày Công ty TNHH X thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Nếu bên vay không trả nợ và để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng TMCP V đề nghị Toà án buộc bà Lê Thị Thanh X và ông Lê Thanh V có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH X theo các hợp đồng bảo lãnh mà bên bảo lãnh đã ký với ngân hàng.

** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lê Thị Thanh X trình bày:* Tôi xác nhận ngày 23.9.2016, Công ty TNHH X có ký kết với Ngân hàng TMCP V - chi nhánh Đà Nẵng hợp đồng tín dụng số 190916-3060791-01-SME vay số tiền: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh: buôn bán thực phẩm, bán buôn đồ uống, bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh, theo bảng kê khai mục đích sử dụng vốn ngày 15.9.2016; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,8%/năm, lãi suất điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm. Công ty TNHH X đã nhận đủ số tiền vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Để bảo đảm cho khoản nợ vay nói trên, tôi và ông Lê Thanh V có cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH X theo hợp đồng bảo lãnh số 190916-3060791-02-SME/HĐBL ngày 23.9.2016 và hợp đồng bảo lãnh số 190916-3060791-01-SME/HĐBL ngày 23.9.2016.

Trong quá trình vay, Công ty chúng tôi luôn trả nợ đúng kỳ hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Từ khoảng tháng 11.2017, do việc kinh doanh gặp khó khăn, Công ty chúng tôi không thu hồi được nợ từ khách hàng nên không trả nợ được cho ngân hàng và tôi có đề nghị ngân hàng gia hạn thời gian.

Tính đến ngày 19.11.2018, tôi xác nhận Công ty chúng tôi còn nợ Ngân hàng TMCP V tổng số tiền: 260.741.849 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 195.880.000đ; nợ lãi: 64.861.849 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu Công ty chúng tôi phải thanh toán số tiền nợ nói trên thì Công ty chúng tôi đồng ý trả nợ cho ngân hàng. Nếu Công ty TNHH X không trả được nợ thì với tư cách là bên bảo lãnh - tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ thay cho Công ty TNHH X.

** Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Thanh V:* Mặc dù Toà án đã làm các thủ tục theo quy định của pháp luật để tiến hành lấy lời khai nhưng ông Lê Thanh V vẫn không có ý kiến phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng

xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn – Công ty TNHH X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH X có trụ sở hoạt động tại tổ 86 (cũ), 44 (mới) phường K, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 260.741.849 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc là 195.880.000đ; nợ lãi: 64.861.849 đồng. Căn cứ vào Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Thanh V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Thanh V.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút phần lãi phạt chậm trả với số tiền là 11.337.059 đồng. Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 260.741.849 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc là 195.880.000đ; nợ lãi: 64.861.849 đồng (lãi tính đến ngày 19.11.2018).

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Theo hợp đồng tín dụng số 190916-3060791-01-SME ngày 23.9.2016 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 02.11.2016, Ngân hàng TMCP V – chi nhánh thành phố Đà Nẵng có cho Công ty TNHH X vay số tiền: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng); mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh: buôn bán thực phẩm, bán buôn đồ uống, bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh,

theo bảng kê khai mục đích sử dụng vốn ngày 15.9.2016; thời hạn vay: 36 tháng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 22,8%/năm, lãi suất điều chỉnh 1 tháng 1 lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm; thể hiện tại 04 khế ước nhận nợ số 101016-3060791-01-SME ngày 10.10.2016, khế ước nhận nợ số 021116-3060791-01-SME ngày 02.11.2016, khế ước nhận nợ số 230916-3060791-01-SME ngày 23.9.2016, khế ước nhận nợ số 260916-3060791-01-SME ngày 26.9.2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH X đã trả được số tiền nợ gốc là 104.426.000 đồng và nợ lãi là 61.203.838 đồng. Từ ngày 10.11.2017 đến nay, Công ty TNHH X liên tục để nợ quá hạn, ngân hàng đã nhiều lần gặp gỡ, làm việc đôn đốc việc trả nợ nhưng Công ty TNHH X vẫn không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, Công ty TNHH X đã vi phạm phương thức trả nợ gốc và nợ lãi mà các bên đã ký kết tại hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc Công ty TNHH X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 260.741.849 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng); trong đó: nợ gốc là 195.880.000đ; nợ lãi: 64.861.849 đồng (lãi tính đến ngày 19.11.2018) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn thì thấy: Tại điều 2 của các hợp đồng bảo lãnh số 190916-3060791-01-SME/HĐBL ngày 23.9.2016 và số 190916-3060791-02-SME/HĐBL ngày 23.9.2016 thể hiện nếu Công ty TNHH X không trả được nợ thì bà Lê Thị Thanh X và ông Lê Thanh V sẽ có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH X đối với ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, tại hợp đồng bảo lãnh, các bên còn thỏa thuận: *"Bên bảo lãnh cam kết dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của bên bảo lãnh hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bên được bảo lãnh và ủy quyền cho bên ngân hàng được tự mình hoặc yêu cầu cơ quan chức năng xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của bên bảo lãnh và theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ"* nhưng không thể hiện đó là tài sản gì và cũng không đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bên bảo lãnh nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH X phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng TMCP V đối với bị đơn - Công ty TNHH X về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH X phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền: 260.741.849 đồng (hai trăm sáu mươi triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng).

Trong đó: Nợ gốc là 195.880.000đ;

Nợ lãi: 64.861.849 đồng (lãi tính đến ngày 19.11.2018).

2. Nếu Công ty TNHH X không trả được nợ thì bên bảo lãnh - bà Lê Thị Thanh X và ông Lê Thanh V phải dùng mọi tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình hoặc thu xếp để có tài sản từ tất cả các nguồn khác để bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH X đối với Ngân hàng TMCP V.

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 13.037.000 đồng (mười ba triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) Công ty TNHH X phải chịu.

3.2 Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 5.914.516 đồng (năm triệu, chín trăm mười bốn nghìn, năm trăm mười sáu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0004108 ngày 21.8.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

4. Kể từ ngày 20.11.2018 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi trên số nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 190916-3060791-01-SME ngày 23.9.2016, khế ước nhận nợ số 101016-3060791-01-SME ngày 10.10.2016, khế ước nhận nợ số 021116-3060791-01-SME ngày 02.11.2016, khế ước nhận nợ số 230916-3060791-01-SME ngày 23.9.2016, khế ước nhận nợ số 260916-3060791-01-SME ngày 26.9.2016.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Thanh V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan Anh